TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày 20-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Cận

2. Ông Hà Văn Châu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Ánh hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 03-04-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HS ngày 23-4-2019 đối với bị cáo:

Lê Kim N, sinh năm 1964; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số 911/12/12 đường Q, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Số 1017 đường Q, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Lê Văn L (chết) và bà Bùi Thị A (chết); Có chồng và 01 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22-01-2019 cho đến nay. (có mặt)

- *Những người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp B, Phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1979; Nơi thường trú: ấp Hòa Long 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Nhà trọ B, Hẻm 543 đường T, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 02-11-2018 Nguyễn T rủ bạn là Lê Văn K đi tìm gái bán dâm để mua dâm, thì K đồng ý. T điều khiển xe mô tô của Thành chở K lại quán cà phê "N" tại Số 1017 đường Q, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do Lê Kim N làm chủ để tìm gái bán dâm. Trong lúc uống cà phê T hỏi và kêu N kêu giùm gái bán dâm cho T và K mua dâm thì N đồng ý, N nói giá mua bán dâm một người là 300.000 đồng, T trả tiền mua dâm của T và K cho N là 600.000 đồng. Lúc này, tại quán N chỉ có một gái bán dâm là Danh Thị Sà L nên N dùng điện thoại di động số 0946.011.437 của N điện thoại vào số di động 0819.469.469 của bà Q chủ quán cà phê "V" gần đó kiếm thêm một gái bán dâm nữa cho T, bà Q không đồng ý nhưng do điện thoại bà Q mở loa lớn nên Nguyễn Ngọc H là gái bán dâm ngồi gần đó nghe N cần gái bán dâm nên H chạy xe mô tô biển số 59S1-08465 lại quán cà phê "N" gặp N, N đưa tiền bán dâm cho H số tiền 250.000 đồng và kêu H lại nhà nghỉ Thanh N bán dâm cho khách. H, L, T và K đến nhà nghỉ Thanh N tại Số 1026 đường Q, Phường 10, thành phố S thuê 02 phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm. Trong lúc H, L, T và K đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị công an thành phố S và Phòng Cảnh sát hình sự - công an tỉnh Sóc Trăng bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra N khai nhận: Bắt đầu hoạt động môi giới mại dâm được khoảng 02 tháng thì bị bắt, từ khi L lại làm ở quán của bị can N. N và L thỏa thuận với nhau là giá một lần L bán dâm là 300.000 đồng, khách đặt vấn đề mua dâm trực tiếp với N hay trực tiếp với L đi nữa thì N cũng lấy 100.000 đồng mỗi lượt L bán dâm. Từ khi hoạt động mại dâm đến khi bị bắt thì N môi giới cho

khách mua dâm được khoảng 10 lần (*trong đó giới thiệu cho khách mua dâm là Nguyễn T được 03 lần, gái bán dâm là L, các lần còn lại N không nhớ tên và địa chỉ cụ thể của khách mua dâm*). N hoạt động môi giới mại dâm được khoảng 02 tháng, tổng cộng giới thiệu cho khách được 10 lần và số tiền thu lợi bất chính được khoảng 1.000.000 đồng. Số tiền này, N đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết. Vào khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 02-11-2018 N đang ở quán cà phê "N", thì có T và K đến quán uống cà phê. T hỏi và kêu N kêu giùm gái bán dâm cho T và K mua dâm thì N đồng ý và nhận số tiền mua dâm của T và K là 600.000 đồng, rồi kêu gái bán dâm có sẵn tại quán của N là Danh Thị Sà L và điện thoại cho bà Q nhờ kêu thêm 01 gái bán dâm, sau đó có Nguyễn Ngọc H đến để bán dâm cho T và K. Khi H đến quán cà phê "N" thì N đưa cho H số tiền bán dâm cho khách là 250.000 đồng, còn 50.000 đồng thì N thu lợi. Còn số tiền của L thì N cất giữ khi bán dâm xong sẽ giao cho L. Sau đó H, L, T, K đến nhà nghỉ Thanh N thuê phòng mua, bán dâm tại đây thì bị bắt.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn T khai nhận: Ngoài lần bị bắt quả tang T còn đến quán cà phê "N" của N mua dâm do N môi giới hai lần vào khoảng tháng 10-2018, người bán dâm cho T là L và khi mua dâm T trực tiếp đưa tiền cho N và địa điểm mua bán dâm tại nhà nghĩ Thanh N.

Tại cơ quan điều tra Danh Thị Sà L khai nhận: L làm tại quán của bị can N được khoảng 02 tháng, L được N môi giới bán dâm cho người khác được khoảng 20 lần, L và N thỏa thuận mỗi lần bán dâm L phải đưa cho N là 100.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Ngọc H khai nhận: Ngoài lần bị bắt quả tang N còn lại trực tiếp quán cà phê "V" kêu H đi bán dâm cho khách tại nhà nghỉ Thanh N một lần.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKS.TPST ngày 03-4-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lê Kim N về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lê Kim N phạm tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng điểm d, đ Khoản 2 Điều 328; điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Buộc bị cáo Lê Kim N giao nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, b, c Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 04 bao cao su hiệu FREMEN.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Samsung Galaxy J7, màu trắng; tiền Việt Nam là 600.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Lê Kim N: tiền Việt Nam là 940.000 đồng.

Trả lại cho người làm chứng bà Nguyễn Ngọc H: tiền Việt Nam là 1.113.500 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, những người làm chứng là ông Nguyễn T, ông Lê Văn K và bà Nguyễn Ngọc H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra thì những người làm chứng nêu trên đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của những người làm chứng trên cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào

Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với những người làm chứng nêu trên.

Ngoài ra, sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị cáo Lê Kim N có đơn xin từ chối luật sư Trần Tuấn H làm người bào chữa cho bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 77 của Bộ luật Tố tụng Hình sự không tiến hành triệu tập người bào chữa cho bị cáo là luật sư Trần Tuấn H tham gia phiên tòa.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Kim N đã khai nhận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo bắt đầu hoạt động môi giới mại dâm từ tháng 9-2018 đến ngày 02-11-2018 thì bị bắt. Trong thời gian hoạt động môi giới mại dâm, bị cáo đã dẫn dắt, giới thiệu cho 02 gái bán dâm là Danh Thị Sà L và Nguyễn Ngọc H bán dâm 10 lần cho 08 người khách mua dâm, trong đó, L bán dâm cho T 03 lần, H bán dâm cho K 01 lần, còn các lần còn lại thì bị cáo không biết rõ họ tên và địa chỉ của khách mua dâm, mỗi lần giới thiệu gái bán dâm cho khách thì bị cáo thu lợi của gái bán dâm từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Từ việc giới thiệu gái bán dâm cho khác bị cáo đã thu lợi được số tiền là 1.000.000 đồng.

Riêng vào khoảng 16 giờ ngày 02-11-2018, khi bị cáo đang ở quán cà phê "N" ở Số 1017 đường Q, Phường 2, thành phố S thì T và K vào uống cà phê, T kêu bị cáo kêu giùm gái bán dâm cho T và K mua dâm thì bị cáo đồng ý. Sau đó, bị cáo đã giới thiệu cho L và H bán dâm cho T và K với giá là 600.000 đồng. Khi H đến quán cà phê thì bị cáo đưa cho H số tiền bán dâm là 250.000 đồng còn bị cáo thu lợi 50.000 đồng, còn số tiền của L thì bị cáo cất giữ khi bán dâm xong sẽ đưa cho L. Khi H, L, T, K đến nhà nghỉ Thanh N ở Số 1026 đường Q, Phường 10, thành phố S thuê phòng để mua bán dâm, trong lúc H, L, T và K đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị công an kiểm tra bắt quả tang.

[4]. Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Đối với bị cáo Lê Kim N đã dẫn dắt, giới thiệu cho 02 gái bán dâm là Danh Thị Sà L và Nguyễn Ngọc H bán dâm 10 lần cho 08 người khách mua dâm nên

bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đối 02 lần trở lên và đối với 02 người trở lên. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Kim N phạm tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra, từ việc giới thiệu, dẫn dắt gái bán dâm cho khách mua dâm bị cáo đã thu lợi được số tiền là 1.000.000 đồng. Xét thây, đây là tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo giao nộp để sung quỹ Nhà nước.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo tự khai ra những lần phạm tội trước đó. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, do bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

[6]. Đối với Lê Văn K và Nguyễn Ngọc H là những người mua bán dâm thì cơ quan Điều tra – công an thành phố Sóc Trăng đã ra quyết định xử phạt hành chính nên không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người mua dâm là Nguyễn T do không rõ địa chỉ cụ thể nên cơ quan Điều tra chưa làm việc được. Đề nghị cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 04 bao cao su là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tích thu tiêu hủy.

Đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 là của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam là 2.653.500 đồng, trong đó:

+ 940.000 đồng là tiền của cá nhân bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

+ 600.000 đồng là tiền dùng để mua bán dâm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ 1.113.500 đồng là tiền của cá nhân người làm chứng Nguyễn Ngọc H không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho người làm chứng Hà.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo ở mức nghiêm khắc như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, đ Khoản 2 Điều 328; điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào điểm a, b, c Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Kim N phạm tội "Môi giới mại dâm"

1. Xử phạt bị cáo Lê Kim N (Nga) 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

Buộc bị cáo Lê Kim N giao nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 bao cao su hiệu FREMEN.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Samsung Galaxy J7, màu trắng; tiền Việt Nam là 600.000 đồng.

- Trả cho bị cáo Lê Kim N: tiền Việt Nam là 940.000 đồng.

- Trả lại cho người làm chứng bà Nguyễn Ngọc H: tiền Việt Nam là 1.113.500 đồng.

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Tấn Vinh